

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 272/2020/QĐST-HNGĐ

Gia Lâm, ngày 31 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 277/2020/TLST-VHNGĐ ngày 21/7/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh W Anh T, sinh năm 1990 - Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay tại: Khu phố X, thị trấn H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

+ Chị Nguyễn Thùy W, sinh năm 1993 - Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay tại: Ngõ 455/55 số nhà 60, tổ L, thị trấn F, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/7/2020, anh W Anh T và chị Nguyễn Thùy W đã thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh W Anh T và chị Nguyễn Thùy W thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Anh W Anh T và chị Nguyễn Thùy W thống nhất xác định có hai con chung là cháu W Bảo F, sinh ngày 19/01/2012 và cháu W Anh J, sinh ngày 26/8/2016. Khi ly hôn, anh T và chị W đã thống nhất thỏa thuận:

+ Anh T là bố được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu W Bảo F và cháu W Anh J đến tuổi trưởng thành.

+ Chị W là mẹ có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung đối với cháu F và cháu J là 1.000.000 đồng/02 cháu/tháng (Kể từ thời điểm Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn).

- Về T sản và nhà ở chung vợ chồng: Anh T và chị W không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về T sản và nhà ở chung vợ chồng.

- Về công nợ chung vợ chồng: Anh T và chị W không vay nợ ai và không ai vay nợ chúng tôi nên tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng.

- Về án phí sơ thẩm: Anh T, chị W tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 22/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh W Anh T và chị Nguyễn Thùy W thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị W xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu W Bảo F, sinh ngày 19/01/2012 và cháu W Anh J, sinh ngày 26/8/2016.

+ Giao cho anh T là bố được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu W Bảo F và cháu W Anh J từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con.

+ Chị W là mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu F và cháu J là 1.000.000 đồng/02 cháu/tháng kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu F và cháu J trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thùy W có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về T sản chung: Anh T và chị W không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh T và chị W xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh W Anh T và chị Nguyễn Thùy W chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T, chị W đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005368 và số AA/2010/0005369 ngày 20/7/2020 của của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lâm;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (theo GCNKH số 60/2013; quyền số 01/2013 ngày 30/7/2013);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Vũ Quang Dũng